

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 276/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023 “Về việc tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất và đòi lại đất lấn chiếm”

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: **Lê Thị Bé S**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: **ấp X, xã T, thành phố G, Tiền Giang.**

Đại diện ủy quyền: ông **Nguyễn Trọng T**, sinh năm 1992

Địa chỉ **ấp T, xã B, huyện G, Tiền Giang.**

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Ngọc T1**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: **ấp X, xã T, thành phố G, tỉnh Tiền Giang.**

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Nguyễn Hoàng H**, sinh năm 1988 (con bà **S**)

Địa chỉ: **ấp X, xã T, Thành phố G, Tiền Giang.**

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà **Lê Thị Bé S** và ông **Nguyễn Ngọc T1** cùng thống nhất xác định ranh giới giữa hai thửa đất thửa số 408 diện tích 9306, 2m² (đo đạc thực tế), loại đất lúa, tờ bản đồ số 4, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 002078/XL.QSD Đ ngày 06 tháng 10 năm 1997 cấp cho Hộ Bà **Lê Thị Bé S** và thửa số 1397, diện tích 2533 (đo đạc thực tế) tờ bản đồ số 4, loại đất lúa, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00410/XL.QSDĐ do **UBND huyện**

G (nay là thành phố **G**) cấp cho ông **Nguyễn Ngọc T1**.

Là một bờ ranh nằm giữa hai thửa đất có chiều dài 3,58m+ 50,57m +11,46 phía Bắc giáp rạch có trụ bê tông do ông **Thạch c**, phía Nam giáp một phần giáp đầu rạch và giáp đất **Nguyễn Thị Kim L** cũng có 01 trụ ranh do ông **Thạch c**. Phía tây giáp đất ông **T1** thửa 1397, phía đông giáp đất bà **S** thửa 408.

Hai bên thống nhất giữa tim bờ ranh là ranh giới giữa hai thửa đất trên.

Vị trí tứ cận như sau:

Phía Bắc trụ ranh giáp rạch

Phía Nam trụ ranh Nguyễn Thị Kim Lan

Phía đông giáp thửa 408 của bà **Lê Thị Bé S**.

Phía Tây giáp thửa 1397 của ông **Nguyễn Ngọc T1**.

(Vị trí, kích thước khu đất có sơ đồ đo đạc kèm theo).

Các đương sự được quyền đến các cơ quan có thẩm quyền để đăng ký làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng theo quy định của pháp luật.

Chi phí tố tụng: bà **Lê Thị Bé S** và ông **Nguyễn Ngọc T1** đã thực hiện xong.

Về án phí: Bà **Lê Thị Bé S** tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền mà bà **S** đã tạm ứng án phí theo biên lai số 0027699 ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Gò Công, Tiền Giang. Như vậy bà **Lê Thị Bé S** đã nộp xong án phí.

Ông **Nguyễn Ngọc T1** không phải nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN

Nội nhần:

- Đương sự; TAT
- VKSND TPGC;
- CCTHADS TPGC;
- Lưu: AV, hồ sơ vụ án.

Trần Thị An Thư